

Bản án số: 234/2023/DSPT

Ngày 14/12/2023

*V/v “Tranh chấp chia tài sản chung,
quyền sử dụng đất và hợp đồng
tặng cho quyền sử dụng đất ”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Dung

Các Thẩm phán: Bà Sơn Nữ Phà Ca

Ông Nguyễn Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Trần Ngọc Bích- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 226/2023/TLPT - DS, ngày 30/10/2023 về việc *“Tranh chấp chia tài sản chung, quyền sử dụng đất và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất”*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2023/DS-ST ngày 26 tháng 06 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 233/2023/QĐPT-DS ngày 01 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ C, sinh năm: 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của chị C là anh Lê Tấn P, sinh năm 1976 (ủy quyền ngày 17/11/2023, có mặt).

Địa chỉ: Số F, đường C, khóm D, thị trấn C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1936 (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà H là chị Nguyễn Thị Xuân L (uỷ quyền ngày 24/12/2020, có mặt).

2. Chị Nguyễn Thị Xuân L, sinh năm 1959 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thị Kim H1, sinh năm 1968 (vắng mặt).

2. Anh Huỳnh Văn H2, sinh năm 1970 (vắng mặt).

3. Chị Hà Diễm T, sinh năm 1981 (vắng mặt).

4. Chị Hà Diễm T1, sinh năm 1988 (vắng mặt).

5. Anh Hà Hữu Đ, sinh năm 1990 (vắng mặt).

6. Anh Hà Diễm P1, sinh năm 2000 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

7. Chị Nguyễn Thị Mỹ P2, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

8. Chị Nguyễn Thị Ngọc T2, sinh năm 1961 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

9. Anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1961 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

10. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

11. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thị Xuân L là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 10 năm 2020, ngày 26 tháng 10 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ C trình bày: Chị C là đồng sử dụng phần đất thuộc thửa số 8, diện tích là 1.512,7m², loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm tại ấp T, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long có nguồn gốc là của ông nội chị C tên Nguyễn Văn G (chết năm

1990) để lại cho mẹ chị C là bà Nguyễn Thị H và các thành viên trong hộ bà H. Bà H quản lý và kê khai đăng ký đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 08 tháng 10 năm 1993. Đất cấp cho hộ bà H gồm có bà Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị Kim H1 và chị Nguyễn Thị Mỹ C. Bà Nguyễn Thị H và ông Phan Văn T4 (chết năm 1969) là vợ chồng có 05 người con: Nguyễn Thị Kim H1, Nguyễn Thị Xuân L, Nguyễn Thị Ngọc T2, Nguyễn Thị Mỹ P2 và Nguyễn Thị Mỹ C.

Trên thửa đất số 8 có 03 căn nhà: một là căn nhà bê tông cốt thép ngang 5,7 mét, dài 17 mét, mái lợp tole xi măng, vách tường, nền lót gạch tàu+ xi măng có nguồn gốc là của bà H nhưng hiện tại do vợ chồng chị C, anh H2 đang sinh sống; hai là căn nhà loại cây tạp, lợp lá, vách lá, nền đất cát tháng 7/2016 do bà H, chị H1 đang sinh sống, ba là căn nhà cấp 4 của chị L xây dựng năm 1985 do chị L và các con là Hà Diễm T, Hà Diễm T1, Hà Hữu Đ, Hà Diễm P1 đang sinh sống, ngoài ra có một số cây trồng trên đất.

Ngày 12 tháng 7 năm 2018 bà H lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng thửa đất số 8 cho chị L. Chị C không đồng ý nên ngày 06/7/2018 chị C có văn bản gửi Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M đề nghị tạm dừng thực hiện hợp đồng. Ngày 09/7/2018 hoà giải tại ấp T thì bà H đồng ý chia đất cho chị C 500m². Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M chỉnh lý mặt 4 thửa đất số 8 cho chị L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/7/2018. Việc bà H tặng cho đất nhằm tẩu tán tài sản để không thi hành Bản án số 40/2019/DSPT ngày 13/3/2019 của Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long có nội dung buộc bà H trả cho chị C số tiền là 137.788.000 đồng. Nay chị C khởi kiện yêu cầu tuyên bố vô hiệu Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 12 tháng 7 năm 2018 giữa bà H và chị L đối với thửa đất số 8, diện tích 1.512,7m²; Yêu cầu bà H chia tài sản chung cho chị C diện tích 549,3m² tại tách thửa đất số 8, trường hợp Tòa án không chấp nhận yêu cầu của chị C thì bà H phải trả giá trị cây trồng trên đất cho chị C, anh H2. Chị C đồng ý trả căn nhà gắn liền với đất cho bà H, không yêu cầu bồi thường chi phí sửa chữa nhà và giá trị cây trồng trên phần đất này.

Tại đơn phản tố ngày 20 tháng 12 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thị Xuân L trình bày: Về vị trí, diện tích, số thửa, hiện trạng đất, quan hệ nhân thân, phần đất hiện nay do chị L đứng tên theo chỉnh lý mặt 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/7/2018 như nguyên đơn trình bày là đúng, nhưng Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai chưa giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị L. Nguồn gốc

thửa số 8, diện tích là 1.512,7m² là của cụ Nguyễn Văn G (chết năm 1990) cho vợ chồng bà H và ông Phan Văn T4 (chết năm 1969). Sau khi ông T4 chết thì bà H tiếp tục quản lý và kê khai đăng ký được Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/10/1993, đất cấp cho cá nhân bà H chứ không phải cấp cho hộ.

Về nhà trên đất như nguyên đơn trình bày là đúng, nhà của chị C, anh H2 đang ở là do bà H xây dựng năm 1990, bà H và chị H1, chị C ở chung, sau đó C đi lao động tại Malaysia. Đến cuối năm 2015 chị C về nước ở chung nhà. Do bà H và chị C mâu thuẫn nên bà H cất nhà cây tạp ở riêng từ tháng 7/2016 đến nay.

Nay bà H và chị L không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị C. Bà H yêu cầu công nhận Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 12 tháng 7 năm 2018 giữa bà H và chị L đối với thửa đất số 8. Trường hợp Toà án tuyên vô hiệu hợp đồng tặng cho đất thì bà H không yêu cầu giải quyết hậu quả hợp đồng. Bà H và chị L yêu cầu chị C trả căn nhà bê tông cốt thép trên phần đất của bà H, về giá trị cây trồng trên đất bà H không đồng ý bồi thường.

Trong quá trình giải quyết vụ án Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M có ý kiến: Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai chưa chấp nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà H và chị L, chưa chỉnh lý cho chị L đứng tên quyền sử dụng đất lý do Chi cục thi hành án dân sự huyện Mang Thít có công văn đề nghị không xác nhận tặng cho, chuyển nhượng thế chấp đối với thửa đất số 8.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 18/11/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án anh Huỳnh Văn H2 trình bày: anh H2 thống nhất ý kiến chị C, không có yêu cầu trong vụ án này.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Mỹ P2 trình bày: Thống nhất lời trình bày của bà H và chị L, không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Ngọc T2 trình bày: Thống nhất với trình bày của bà H, chị L không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/5/2023 anh Nguyễn Văn T3 (là chồng của chị Nguyễn Thị Mỹ P2) trình bày: Anh T3 cần tiền kinh doanh nên vào khoảng cuối năm 2014 bà H lập hợp đồng tặng cho anh T3 thửa đất số 8, anh T3 được Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 31/12/2014. Anh T3 thế chấp quyền sử dụng đất để vay tiền tại Ngân hàng N -

Chi nhánh A. Anh T3 lập thủ tục tặng cho bà H quyền sử dụng đất được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai chỉnh lý mặt 4 ngày 12/11/2018.

Tại Công văn số 101/CV-CCTHADS, ngày 30/5/2023 Chi cục thi hành án dân sự huyện Mang Thít có ý kiến: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít có thụ lý giải quyết hồ sơ thi hành án đối với Bản án số 40/2019/DSPT, ngày 13/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Ngày 25/8/2020 Chấp hành viên đã tiến hành tổng đạt đầy đủ các thủ tục và xác minh điều kiện thi hành án. Ngày 31/8/2020 Chi cục thi hành án dân sự huyện Mang Thít ban hành quyết định chưa có điều kiện thi hành.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2023/DS-ST ngày 26 tháng 06 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Áp dụng các Điều 102, 105, 106, 116, 117, 122, 385, 407, 457, 500 của Bộ luật dân sự; các khoản 3, 9, Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 166, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 166, 170, 203 Luật đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12, các Điều 24, 26, 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Nguyễn Thị Mỹ C;

- Tuyên bố vô hiệu Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 12 tháng 7 năm 2018 giữa bà Nguyễn Thị H với chị Nguyễn Thị Xuân L, thuộc thửa số 8, tờ bản đồ số 17, diện tích là 1.512,7m², loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Á, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long do bà Nguyễn Thị H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng số CA 938160 theo chỉnh lý của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M, tỉnh Vĩnh Long ngày 12 tháng 01 năm 2018.

- Buộc bà Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm hoàn trả giá trị cây trồng gồm: 35 cây mít, 06 cây bưởi, 09 cây dừa cho chị Nguyễn Thị Mỹ C là 20.360.000 đồng (hai mươi triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

- Không chấp nhận yêu cầu bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu công nhận Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 12 tháng 7 năm 2018 giữa bà Nguyễn Thị H với chị Nguyễn Thị L, thuộc thửa số 8, tờ bản đồ số 17, diện tích là 1.512,7m², loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Á, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long do bà Nguyễn Thị H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng số CA 938160, theo chỉnh lý của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M, tỉnh Vĩnh Long ngày 12 tháng 01 năm 2018.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về việc: Không chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Mỹ C về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H chia tài sản chung diện tích 549,3m² thuộc thửa 8-2, loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất do Phòng Tài nguyên và Môi trường lập ngày 28 tháng 12 năm 2021, tọa lạc tại ấp Á, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long; Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị H; Buộc chị Nguyễn Thị Mỹ C, anh Huỳnh Văn H2 phải có trách nhiệm liên đới trả bà Nguyễn Thị H căn nhà có kết cấu: Cột bê tông cốt thép, ngang 5,7 mét, dài 17 mét, mái tole xi măng, vách tường, nền lót gạch tàu và lán xi măng gắn liền thửa đất số 8-1 tờ bản đồ số 17, diện tích là 772,8m², loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Á, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Chị Nguyễn Thị Mỹ C, anh Huỳnh Văn H2 được quyền lưu trú trong thời hạn là 03 (ba) tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, hết thời hạn này phải có trách nhiệm bàn giao nhà cho bà Nguyễn Thị H; Không chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Xuân L về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Mỹ C, anh Huỳnh Văn H2 phải có trách nhiệm liên đới trả bà Nguyễn Thị H căn nhà có kết cấu: Cột bê tông cốt thép, ngang 5,7 mét, dài 17 mét, mái tole xi măng, vách tường, nền lót gạch tàu và lán xi măng có trên thửa đất số 8-1 tờ bản đồ số 17, diện tích là 772,8m², loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Á, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long, về chi phí tố tụng, án phí, lãi suất chậm thi hành án, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án nhưng không bị kháng cáo, kháng nghị.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/07/2023 Tòa án cấp sơ thẩm nhận đơn kháng cáo của bà H và chị L có nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm công nhận Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 12 tháng 7 năm 2018 giữa bà Nguyễn Thị H với chị Nguyễn Thị Xuân L đối với thửa đất số 8, xem xét lại số cây trồng theo biên bản định giá 20.360.000đ mà án sơ thẩm buộc bà H phải trả cho chị C vì trong đó có xoài, dừa do bà H trồng, mít, bưởi do chị C trồng nhưng đã chết gần hết.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H giữ nguyên kháng cáo về phần cây trồng trên đất không đồng ý trả giá trị cây trồng cho chị C số tiền 20.360.000đ mà chị C phải tự chặt, di dời cây trồng ra khỏi đất của bà H, bà H rút lại kháng cáo công nhận Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 12 tháng 7 năm 2018 giữa bà H và chị L; chị L rút lại toàn bộ kháng cáo yêu cầu công nhận Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 12 tháng 7 năm 2018 giữa bà H và chị L, không đồng ý buộc bà H trả giá trị cây trồng cho chị C số tiền 20.360.000đ.

Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là phù hợp pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 289, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm d khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật người cao tuổi. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của chị L. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với một phần kháng cáo của bà H về yêu cầu công nhận Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 12 tháng 7 năm 2018 giữa bà H và chị L; Không chấp nhận một phần nội dung kháng cáo không buộc bà H trả chị C giá trị cây trồng gồm: 35 cây mít, 09 cây dừa, 06 cây xoài với số tiền 20.360.000 đồng. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần này, miễn án phí phúc thẩm cho bà C do thuộc trường hợp người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến trình bày của các đương sự và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định :

[1] *Về tố tụng:* Tòa án cấp sơ thẩm nhận đơn kháng cáo của bà H và chị L còn trong hạn luật định là kháng cáo hợp lệ được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm qui định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm chị L rút kháng cáo yêu cầu công nhận Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 12 tháng 7 năm 2018 giữa bà H và chị L đối với thửa đất số 8, không đồng ý buộc bà H trả giá trị cây trồng cho chị C số tiền 20.360.000đ, bà H rút một phần kháng cáo yêu cầu công nhận Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 12 tháng 7 năm 2018 giữa bà H và chị L đối với thửa đất số 8. Xét việc chị L và bà H rút kháng cáo là tự nguyện nên Hội đồng xét xử thống nhất đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của chị L và bà H do đã rút kháng cáo phù hợp theo qui định tại Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung*: Phần đất tranh chấp diện tích là 1.512,7m², thuộc thửa số 8, tại ấp T, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long có nguồn gốc là của cụ Nguyễn Văn G (chết năm 1990, là cha ông Phan Văn T4, chết năm 1969) cho vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Phan Văn T4. Quá trình quản lý sử dụng đất bà H đã kê khai đăng ký được Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 08/10/1993.

[4] Bản án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của chị Nguyễn Thị Mỹ C. Tuyên bố vô hiệu Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 12 tháng 7 năm 2018 giữa bà Nguyễn Thị H với chị Nguyễn Thị Xuân L đối với thửa đất số 8, diện tích 1.512,7m². Bà H kháng cáo không đồng ý trả giá trị cây trồng trên phần đất diện tích 549,3m² thuộc tách thửa số 8 bao gồm: 35 cây mít (04 năm tuổi) x 280.000đ/cây = 9.800.000đ, 06 cây bưởi (04 năm tuổi) x 410.000đ/cây = 2.640.000đ, 09 cây dừa (10 năm tuổi) x 900.000đ/cây = 8.100.000đ. Theo bà H trình bày các cây dừa là do bà H trồng còn mít, bưởi là do chị C trồng. Xét thấy, trong số các cây trồng trên thì mít, bưởi được trồng 4 năm là sau thời gian chị C đi hợp tác lao động đến tháng 02/2016 mới về sinh sống trên đất, còn cây dừa được trồng 10 năm là trồng trước thời điểm chị C về phần đất đó sinh sống, chị C không có chứng cứ chứng minh dừa là do chị C trồng. Do vậy, buộc bà H trả chị C giá trị cây mít và bưởi bằng số tiền 12.260.000 đồng là phù hợp. Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận một phần kháng cáo bà H, sửa bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long có căn cứ chấp nhận một phần .

[5] Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà H, chị L là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí sơ thẩm; chị C phải nộp án phí có giá ngạch đối với yêu cầu chia tài sản chung là không phù hợp nên Hội đồng xét xử sửa phần án phí, chị C chỉ nộp án phí chia tài sản chung không giá ngạch là 300.000 đ và án phí do yêu cầu đòi nhà của bà H được chấp nhận là 300.000đ, tổng cộng là 600.000đ .

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 289, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của chị Nguyễn Thị Xuân L về yêu cầu công nhận Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 12 tháng 7 năm 2018 và buộc bà H trả giá trị cây trồng cho chị C số tiền 20.360.000đ do đã rút kháng cáo.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị H về yêu cầu công nhận Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 12 tháng 7 năm 2018 do đã rút kháng cáo.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị H.

- Sửa một phần bản án sơ thẩm số 32/2023/DS-ST ngày 26 tháng 06 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng các Điều 102, 105, 106, 116, 117, 122, 385, 407, 457, 500 của Bộ luật dân sự; các khoản 3, 9, Điều 26 và các Điều 35, 39, 147, 157, 165, 166, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 166, 170, 203 Luật đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12, các Điều 24, 26, 27 của Nghị quyết số 326/UBNTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ C;

1.1. Tuyên bố vô hiệu Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 12 tháng 7 năm 2018 giữa bà Nguyễn Thị H với chị Nguyễn Thị Xuân L, thuộc thửa số 8, tờ bản đồ số 17, diện tích là 1.512,7m², loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Á, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

1.2 Bà Nguyễn Thị H được quyền sở hữu hợp pháp cây trồng gồm 35 (ba mươi lăm) cây mít và 06 (sáu) cây bưởi nằm trên thửa đất số 8, diện tích 1.512,7m², loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Á, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Buộc bà Nguyễn Thị H trả chị Nguyễn Thị Mỹ C giá trị 35 (ba mươi lăm) cây mít và 06 (sáu) cây bưởi bằng số tiền là 12.260.000 đồng (mười hai triệu, hai trăm sáu mươi nghìn đồng).

2. Về án phí sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị Mỹ C phải nộp án phí sơ thẩm là 600.000đồng (sáu trăm ngàn đồng), được khấu trừ số tiền nộp tạm ứng án phí 1.939.000 đ (một triệu chín trăm ba mươi chín ngàn đồng) theo các biên lai số 0006561 ngày 09/11/2020; biên lai số 0006560 ngày 09/11/2020 và biên lai số 0007455 ngày 08/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít. Chị Nguyễn Thị Mỹ C được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 1.339.000 đồng (một triệu ba trăm ba mươi chín ngàn đồng).

- Bà Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thị Xuân L được miễn nộp tiền án phí sơ thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi.

3. Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thị Xuân L không phải nộp án phí phúc thẩm.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về việc việc: Không chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Mỹ C về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H chia tài sản chung diện tích 549,3m² thuộc thửa 8-2, loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất do Phòng Tài nguyên và Môi trường lập ngày 28 tháng 12 năm 2021, tọa lạc tại ấp Ấ, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long; Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị H; Buộc chị Nguyễn Thị Mỹ C, anh Huỳnh Văn H2 phải có trách nhiệm liên đới trả bà Nguyễn Thị H căn nhà có kết cấu: Cột bê tông cốt thép, ngang 5,7 mét, dài 17 mét, mái tole xi măng, vách tường, nền lót gạch tàu và lán xi măng gắn liền thửa đất số 8-1 tờ bản đồ số 17, diện tích là 772,8m², loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Ấ, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Chị Nguyễn Thị Mỹ C, anh Huỳnh Văn H2 được quyền lưu trú trong thời hạn là 03 (ba) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, hết thời hạn này phải có trách nhiệm bàn giao nhà cho bà Nguyễn Thị H; Không chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Xuân L về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Mỹ C, anh Huỳnh Văn H2 phải có trách nhiệm liên đới trả bà Nguyễn Thị H căn nhà có kết cấu: Cột bê tông cốt thép, ngang 5,7 mét, dài 17 mét, mái tole xi măng, vách tường, nền lót gạch tàu và lán xi măng có trên thửa đất số 8-1 tờ bản đồ số 17, diện tích là 772,8m², loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Ấ, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long; Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá là 4.000.000 đồng chị C phải chịu và đã nộp xong không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND huyện Mang Thít;
- Chi Cục THADS huyện Mang Thít;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Ngọc Dung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thành Viên Hội Đồng Xét Xử

Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

Cao Văn Lạc

Đặng Văn Lộc

Trần Thị Ngọc Dung